TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **350**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn

Bà Đỗ Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 368/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/7/2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 402/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 265/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn A, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Hoàng Tiến H, sinh năm 1988; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn A, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Tiến H được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/4/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 5/2018 thì anh H đi lao động tại Đài Loan. Giữa năm 2020, chị và anh H bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ khi đi nước ngoài, anh H không gửi tiền về để chị nuôi con. Tháng 02/2023, anh H gọi điện

về nhờ gia đình gửi tiền sang Đài Loan để anh H về Việt Nam nhưng sau khi nhận được tiền, anh H lại không về nữa. Bản thân chị và gia đình đã nhiều lần khuyên anh H về nước nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Hoàng Phương N, sinh ngày 17/10/2015. Hiện nay cháu N đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị xin được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị T không cung cấp được địa chỉ của anh Hoàng Tiến H ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh H. Bà Lê Thị H1 (là mẹ đẻ của anh H) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Thời gian đầu, anh H vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình bà nhưng gần đây chỉ thỉnh thoảng anh H mới gọi về. Cách đây khoảng 3 năm, do điều kiện làm ăn ở Đài Loan khó khăn nên anh H không gửi tiền về cho chị T. Từ đó, vợ chồng anh chị ít liên lạc với nhau. Khoảng đầu năm 2023, chị T chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở. Bà đồng ý nhận các văn bản của Tòa án và đã chụp lại gửi cho anh H qua điện thoại. Tuy nhiên đến nay anh H không có ý kiến, quan điểm gì về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị T vắng mặt, có quan điểm vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hoàng Tiến H. Về con chung: Giao cho chị T được nuôi dưỡng con chung là Hoàng Phương N, sinh ngày 17/10/2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Hoàng Tiến H hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ của anh H tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị T và gia đình anh H cung cấp địa chỉ, nhưng chị T và gia đình anh H không cung cấp được. Bà Lê Thị H1 là mẹ đẻ anh H xác định anh H vẫn thỉnh thoảng liên lạc với gia đình, bà đã thông báo về việc chị T có đơn xin ly hôn, anh H không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa, chị T vắng mặt, có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Tiến H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/4/2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2020. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và bất đồng về vấn đề kinh tế, anh H đi làm nhưng không gửi tiền về để chị nuôi con. Đầu năm 2023, chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau. Anh H đã được gia đình thông tin về việc chị T có đơn xin ly hôn, nhưng không có quan điểm, ý kiến trình bày gửi cho Tòa án, điều đó thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc, không có biện pháp để vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là Hoàng Phương N, sinh ngày 17/10/2015. Hiện cháu N đang ở với chị T. Sau khi ly hôn, chị T xin được nuôi con chung; anh H không có quan điểm gì về việc nuôi con. Xét thấy hiện cháu N đang sinh sống ổn định cùng T, anh H đang ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con, cần giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu N là phù hợp. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Hoàng Tiến H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hoàng Phương N, sinh ngày 17/10/2015 kể từ tháng 09/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0000851 ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mai Hoa